

**PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH BIỂU TỔNG HỢP TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở 2009**

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
1.1	Số hộ chia theo số người trong hộ và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
1.2	Dân số chia theo giới tính và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
1.3	Dân số chia theo loại quan hệ với chủ hộ và đơn vị hành chính	-	A, B
1.4	Dân số chia theo từng độ tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	-	A, B
1.5	Dân số chia theo nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C, D
1.6	Dân số chia theo dân tộc, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C, D
1.7	Dân số chia theo dân tộc, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	-	A, B
1.8	Dân số chia theo tôn giáo, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
1.9a	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo mức độ khuyết tật về mắt, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
1.9b	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo mức độ khuyết tật về tai, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
1.9c	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo mức độ khuyết tật về chân, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
1.9d	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo mức độ khuyết tật về ghi nhớ, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
1.10	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo tình trạng hôn nhân hiện tại, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	-
1.11	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo tình trạng hôn nhân hiện tại, nhóm tuổi, giới tính, dân tộc và đơn vị hành chính	A, B	-

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
1.12	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo tình trạng hôn nhân hiện tại, nhóm tuổi, giới tính, tôn giáo và đơn vị hành chính	A, B	-
2.1	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo nơi thực tế thường trú (TTTT) vào 1/4/2004 và 1/4/2009 và giới tính	A, B	-
2.2	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo nơi thực tế thường trú (TTTT) vào 1/4/2004, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
2.3	Luồng di cư nông thôn - thành thị chia theo nhóm tuổi, giới tính trong 5 năm (từ tháng 4/2004 đến hết tháng 3/2009)	A, B, C	-
3.1	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học hiện nay, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	A, B, C, D
3.2	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học hiện nay, dân tộc, giới tính và đơn vị hành chính	-	A, B, C
3.3	Dân số từ 5 tuổi trở lên chia theo tình trạng đi học hiện nay, tôn giáo, giới tính và đơn vị hành chính	-	A, B, C
3.4a	Dân số từ 5 tuổi trở lên đã thôi học chia theo bậc học cao nhất đã từng học, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
3.4b	Dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học chia theo bậc học cao nhất đang học, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
3.5a	Dân số từ 5 tuổi trở lên đã thôi học chia theo bậc học cao nhất đã từng học, nhóm tuổi, giới tính, dân tộc và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
3.5b	Dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học chia theo bậc học cao nhất đang học, nhóm tuổi, giới tính, dân tộc và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
3.6a	Dân số từ 5 tuổi trở lên đã thôi học chia theo bậc học cao nhất đã từng học, nhóm tuổi, giới tính, tôn giáo và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
3.6b	Dân số từ 5 tuổi trở lên đang đi học chia theo bậc học cao nhất đang học, nhóm tuổi, giới tính, tôn giáo và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
3.7	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo tình trạng biết đọc, biết viết, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	A, B, C, D
3.8	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ CMKT cao nhất đã được đào tạo, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	-
3.9	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ CMKT cao nhất đã được đào tạo, dân tộc, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
3.10	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo trình độ CMKT cao nhất đã được đào tạo, tôn giáo, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.1	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo loại hoạt động trong 7 ngày qua, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	-
4.2	Dân số trong tuổi lao động chia theo loại hoạt động trong 7 ngày qua, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	-
4.3	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo loại hoạt động trong 7 ngày qua, dân tộc, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.4	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo loại hoạt động trong 7 ngày qua, tôn giáo, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.5	Dân số từ 15 tuổi trở lên hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua chia theo trình độ CMKT cao nhất được đào tạo, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.6	Dân số từ 15 tuổi trở lên không hoạt động kinh tế trong 7 ngày qua chia theo trình độ CMKT cao nhất được đào tạo, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.7	Dân số từ 15 tuổi trở lên chia theo loại hoạt động trong 7 ngày qua, tình trạng hôn nhân, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.8	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo nghề nghiệp, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
4.9	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo nghề nghiệp, trình độ CMKT, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.10	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo nghề nghiệp, vị thế công việc, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.11	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo nghề nghiệp, loại hình kinh tế, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.12	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo ngành KTQD, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.13	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo ngành KTQD, trình độ CMKT, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.14	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo ngành KTQD, vị thế công việc, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.15	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo ngành KTQD, loại hình kinh tế, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.16	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo loại hình kinh tế, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.17	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo loại hình kinh tế, trình độ CMKT, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
4.18	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo vị thế công việc, nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
4.19	Dân số từ 15 tuổi trở lên làm việc trong 7 ngày qua chia theo vị thế công việc, trình độ CMKT, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
5.1	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo nhóm tuổi, đơn vị hành chính và số trẻ em được sinh từ 1/2008 - 3/2009 chia theo năm sinh, giới tính, nhóm tuổi của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B, C	-
5.2	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo dân tộc, đơn vị hành chính và số trẻ em được sinh từ 1/2008 - 3/2009 chia theo năm sinh, giới tính, dân tộc của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-
5.3	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo tôn giáo, đơn vị hành chính và số trẻ em được sinh từ 1/2008 - 3/2009 chia theo năm sinh, giới tính, tôn giáo của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-
5.4	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo bậc học cao nhất, đơn vị hành chính và số trẻ em được sinh từ 1/2008 - 3/2009 chia theo năm sinh, giới tính, bậc học cao nhất của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-
5.5	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo loại hoạt động kinh tế, đơn vị hành chính và số trẻ em được sinh từ 1/2008 - 3/2009 chia theo năm sinh, giới tính, loại hoạt động kinh tế của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B, C	-
5.6	Số phụ nữ 15-49 tuổi, tổng số con đã sinh, tổng số con hiện còn sống, tổng số con đã chết chia theo nhóm tuổi của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-
5.7	Số phụ nữ 15-49 tuổi, tổng số con đã sinh, tổng số con hiện còn sống, tổng số con đã chết chia theo bậc học cao nhất của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-
5.8	Số phụ nữ 15-49 tuổi, tổng số con đã sinh, tổng số con hiện còn sống, tổng số con đã chết chia theo tình trạng hôn nhân của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-
5.9	Số phụ nữ 15-49 tuổi, tổng số con đã sinh, tổng số con hiện còn sống, tổng số con đã chết chia theo loại hoạt động của người mẹ và đơn vị hành chính	A, B	-

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
5.10	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo số con đã sinh, nhóm tuổi và đơn vị hành chính	A, B, C	-
5.11	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo số con đã sinh, bậc học cao nhất và đơn vị hành chính	A, B	-
5.12	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo số con đã sinh, loại hoạt động kinh tế và đơn vị hành chính	A, B	-
5.13	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo số con hiện còn sống, nhóm tuổi và đơn vị hành chính	A, B, C	-
5.14	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo số con hiện còn sống, bậc học cao nhất và đơn vị hành chính	A, B	-
5.15	Số phụ nữ 15-49 tuổi chia theo số con hiện còn sống, loại hoạt động kinh tế và đơn vị hành chính	A, B	-
5.16	Số phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo số con đã sinh, nhóm tuổi và đơn vị hành chính	A, B, C	-
5.17	Số phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo số con đã sinh, dân tộc và đơn vị hành chính	A, B	-
5.18	Số phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo số con đã sinh, tôn giáo và đơn vị hành chính	A, B	-
5.19	Số phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo số con đã sinh, bậc học cao nhất và đơn vị hành chính	A, B	-
5.20	Số phụ nữ 15-49 tuổi sinh con thứ 3 trở lên trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo số con đã sinh, loại hoạt động kinh tế và đơn vị hành chính	A, B	-
5.21	Số phụ nữ 15-49 tuổi đã từng kết hôn chia theo số con hiện đang còn sống, nhóm tuổi và đơn vị hành chính	A, B, C	-
5.22	Số phụ nữ 15-49 tuổi đã từng kết hôn chia theo số con hiện đang còn sống, dân tộc và đơn vị hành chính	A, B	-

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
5.23	Số phụ nữ 15-49 tuổi đã từng kết hôn chia theo số con hiện đang còn sống, tôn giáo và đơn vị hành chính	A, B	-
5.24	Số phụ nữ 15-49 tuổi đã từng kết hôn chia theo số con hiện đang còn sống, bậc học cao nhất và đơn vị hành chính	A, B	-
5.25	Số phụ nữ 15-49 tuổi đã từng kết hôn chia theo số con hiện đang còn sống, loại hoạt động kinh tế và đơn vị hành chính	A, B	-
5.26	Số phụ nữ 15-49 tuổi đã từng kết hôn chia theo số con hiện đang sống cùng hộ với người mẹ, nhóm tuổi và đơn vị hành chính	A, B, C	-
6.1	Số người chết trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo nhóm tuổi, giới tính và đơn vị hành chính	A, B, C	-
6.2	Số người chết trong 12 tháng trước điều tra (từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2009) chia theo nguyên nhân chết, tuổi khi chết, giới tính và đơn vị hành chính	A, B	-
6.3	Số phụ nữ 15-49 tuổi chết không do tai nạn trong 12 tháng trước điều tra (từ 4/2008 đến 3/2009) chia theo nguyên nhân chết, tuổi nhân chết mẹ, nhóm tuổi khi chết và đơn vị hành chính	A, B	-
7.1	Số hộ chia theo tình trạng có nhà ở, loại nhà đang ở, số người trong hộ và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C, D
7.2	Số hộ chia theo loại nhiên liệu dùng để thắp sáng và đơn vị hành chính	A, B	-
7.3	Số hộ chia theo loại nhiên liệu dùng để nấu ăn và đơn vị hành chính	A, B	-
7.4	Số hộ chia theo nguồn nước ăn chính và đơn vị hành chính	A, B	-
7.5	Số hộ chia theo loại hố xí đang sử dụng và đơn vị hành chính	A, B	-
7.6	Số hộ chia theo các phương tiện phục vụ sinh hoạt và đơn vị hành chính	A, B	-

Biểu số	Tên biểu	Cấp tổng hợp	
		Mẫu	Toàn bộ
7.7	Số hộ có nhà ở chia theo loại nhiên liệu dùng để thắp sáng và đơn vị hành chính	A, B	-
7.8	Số hộ có nhà ở chia theo loại nhiên liệu dùng để nấu ăn và đơn vị hành chính	A, B	-
7.9	Số hộ có nhà ở chia theo nguồn nước ăn chính và đơn vị hành chính	A, B	-
7.10	Số hộ có nhà ở chia theo loại hố xí đang sử dụng và đơn vị hành chính	A, B	-
7.11	Số hộ có nhà ở chia theo các phương tiện phục vụ sinh hoạt và đơn vị hành chính	A, B	-
7.12	Nhà ở chia theo loại nhà đang ở, năm xây dựng và đơn vị hành chính	A, B	A, B, C
7.13	Nhà ở chia theo loại nhà đang ở, số phòng ở và đơn vị hành chính	A, B	-
7.14	Nhà ở chia theo loại nhà đang ở, diện tích và đơn vị hành chính	A, B	-
7.15	Nhà ở chia theo loại nhà đang ở, quyền sở hữu và đơn vị hành chính	A, B	-
7.16	Nhà ở chia theo loại nhà đang ở, diện tích ở bình quân đầu người và đơn vị hành chính	A, B	-

Ghi chú: A - Tổng hợp cho TW; B - Tổng hợp cho cấp tỉnh; C - Tổng hợp cho cấp huyện; D - Tổng hợp cho cấp xã.



## **TỜ TRÌNH**

### **VỀ HỘI NGHỊ CÔNG BỐ KẾT QUẢ SƠ BỘ TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009**

Kính gửi: - Thủ tướng Chính phủ  
- Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ - Trưởng Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg ngày 03/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về công tác chuẩn bị, Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra, Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 16/10/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về lãnh đạo thực hiện thắng lợi cuộc Tổng điều tra, Phương án Tổng điều tra năm 2009 ban hành kèm theo Quyết định số 09/QĐ-BCĐTW ngày 10/10/2008 của Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương, cuộc Tổng điều tra được triển khai theo đúng kế hoạch. Đến nay đã hoàn thành nhiều hoạt động quan trọng của cuộc Tổng điều tra, thể hiện trên các mặt công tác chính sau đây:

#### **1. Tóm tắt một số công việc chính đã hoàn thành**

Công tác chuẩn bị bắt đầu từ đầu năm 2007, đến nay đã hoàn thành theo đúng kế hoạch, cụ thể là:

- Hoàn thành tốt công tác chuẩn bị theo Chỉ thị số 19/2007/CT-TTg ngày 03/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ;
- Xây dựng phương án, biểu mẫu, tiến hành các cuộc điều tra thí điểm và điều tra tổng duyệt, thành lập Ban chỉ đạo và bộ máy giúp việc các cấp, in ấn phiếu và các loại tài liệu điều tra;
- Tập huấn cho Ban chỉ đạo các cấp về công tác quản lý, công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê, tập huấn nghiệp vụ điều tra, tập huấn công tác ghi mã số;
- Rà soát ranh giới lãnh thổ hành chính giữa các cấp, vẽ sơ đồ và lập bảng kê;
- Triển khai công tác giám sát đối với 4 khâu quan trọng nhất: (1) tập huấn và triển khai công tác vẽ sơ đồ và lập bảng kê; (2) tập huấn nghiệp vụ của các cấp; (3) điều tra ghi phiếu; và (4) ghi mã số và bàn giao tài liệu;
- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng triển khai công tác tuyên truyền trước và sau thời điểm Tổng điều tra, trọng tâm là chiến dịch tuyên truyền sôi nổi và rộng khắp cả nước từ 15/3 đến 20/4/2009;

- Tổ chức công tác điều tra thu thập thông tin theo đúng kế hoạch và quy trình, bảo đảm chất lượng; v.v...

Thường trực Ban chỉ đạo Trung ương đã có các báo cáo tiến độ về việc triển khai, thực hiện các hoạt động nói trên gửi Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương và Ban chỉ đạo của các cấp, các ngành.

## 2. Đánh giá và thẩm định các kết quả sơ bộ

Để phục vụ cho việc công bố số liệu, ngay sau khi kết thúc bước điều tra thu thập thông tin, Thường trực BCĐTW đã thực hiện nhiều biện pháp thiết thực, kịp thời nhằm đánh giá, thẩm định kết quả Tổng điều tra như sau:

- *Xác minh và điều tra bổ sung từ phát hiện của nhân dân qua đường dây nóng:*

Ban chỉ đạo Trung ương đã phối hợp có hiệu quả với Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói Việt Nam thông báo đề nhân dân cả nước cung cấp thông tin nhằm phát hiện và điều tra bổ sung tất cả các đối tượng điều tra có khả năng bị bỏ sót.

- *Đánh giá chất lượng ghi phiếu:*

Ngay sau bước điều tra ghi phiếu, Văn phòng BCĐTW đã tổ chức một số đoàn công tác để kiểm tra chất lượng ghi phiếu điều tra. Kết quả kiểm tra cho thấy phiếu điều tra được ghi chép khá tốt, có thể bảo đảm tốt khâu xử lý.

- *Phục tra kết quả điều tra:*

Sau khi kết thúc bước điều tra đã tiến hành một cuộc phục tra chọn mẫu nhằm xác định mức độ đầy đủ và chính xác của số liệu Tổng điều tra.

Kết quả cho thấy sai số chỉ có 0,3%. Nếu so với tỷ lệ sai số thuần của Tổng điều tra dân số của nước ta năm 1999 là 1,2% và tỷ lệ sai số thuần 1,5% - 4,5% trong các cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở của nhiều nước<sup>1</sup>, có thể đánh giá mức độ đầy đủ của cuộc Tổng điều tra lần này là khá cao.

- *Kiểm tra trọng điểm một số đối tượng có khả năng bị bỏ sót cao nhất:*

Để có căn cứ vững chắc hơn cho việc công bố số liệu sơ bộ của cuộc Tổng điều tra, Thường trực BCĐTW đã quyết định triển khai công tác kiểm tra trọng điểm 03 đối tượng có khả năng bị bỏ sót cao nhất trong cả nước, đó là: (1) sinh viên sống trong ký túc xá, (2) sinh viên sống trong các nhà trọ thuộc địa bàn dân cư, và (3) công nhân đi làm thuê tại các khu công nghiệp đang thuê nhà của dân để ở hoặc đang sống trong các lán trại, nhà tạm của các dự án, cơ sở sản-xuất kinh doanh xa khu tập trung dân cư. Kết quả kiểm tra cho thấy có sự bỏ sót nhưng mức độ bỏ sót thấp, tương tự như tỷ lệ bỏ sót đã thu được trong phục tra.

Ngoài các biện pháp kiểm tra/phục tra nói trên, trong quá trình triển khai công tác Tổng điều tra, Thường trực BCĐTW đã tổ chức kiểm tra rà soát 02 lần đối với kết quả vẽ sơ đồ và lập bảng kê và 02 lần đối với kết quả tổng hợp sơ bộ.

1 Trong Chu kỳ Tổng điều tra dân số năm 2000, sai số trong Tổng điều tra của một số nước như sau: Ấn Độ: 1,8%, Anh: 2,0%, Băng-la-đét: 3%, Ca-na-đa: 3,1%, Hàn Quốc: 1,5%, Indonesia: 3,3%, Malaysia: 4,4%, Niu-di-lân: 2,2%, Nhật Bản: Thành thị: 0,4% và Nông thôn: 0,7%, Pakistant: 4,4%, Phi-líp-pin: 2,0%, Trung Quốc: 1,8%, Úc: 1,8%.

Như vậy, bằng nhiều phương pháp kiểm tra và phúc tra khác nhau đều thu được những kết quả đánh giá thống nhất với mức độ sai sót thấp (0,3%). Điều đó cho thấy cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã thu được kết quả tin cậy và vững chắc, tương xứng với sự nỗ lực và công sức đóng góp của cả hệ thống chính trị, của Ban chỉ đạo các cấp, các ngành và sự tham gia, hưởng ứng nhiệt tình của nhân dân cả nước.

### 3. Kết quả sơ bộ về tổng số dân

Ngay sau bước thu thập thông tin, Ban chỉ đạo các cấp, các ngành đã tổng hợp thủ công trước một số kết quả sơ bộ để kịp thời cung cấp cho các đối tượng sử dụng thông tin. Kết quả cả nước có 85.789.573 người, gồm có: các tỉnh/thành phố điều tra được 84.797.371 người, Bộ Quốc phòng 569.699 người, Bộ Công an 419.726 người và Bộ Ngoại giao 2.777 người.

Sau 10 năm, dân số nước ta đã tăng lên gần 9,47 triệu người, mỗi năm tăng bình quân 947 nghìn người với mức tăng dân số bình quân là 1,2%/năm. Mặc dù đã đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực dân số-KHHGD trong 10 năm qua, song tỷ lệ tăng dân số nói trên vẫn còn cao hơn so với mục tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số xuống còn 1,1%/năm vào năm 2010 như Chiến lược Dân số-KHHGD đến năm 2010 cũng như chỉ tiêu do Đại hội Đảng lần thứ X đã đề ra.

Hai chỉ tiêu đánh giá chất lượng dân số quan trọng nữa là tỷ lệ giới tính và tốc độ đô thị hóa cũng cho thấy có những dấu hiệu đáng mừng. *Thứ nhất*, qua 2 thập kỷ, tỷ lệ giới tính của nước ta liên tục tăng lên: từ 94,2 nam trên 100 nữ vào năm 1989, 96,4 nam trên 100 nữ vào năm 1999, lên 98,1 nam trên 100 nữ vào năm 2009, tức là đến nay đã xóa bỏ cơ bản hậu quả nặng nề của chiến tranh qua tỷ lệ giới tính. *Thứ hai*, cùng với đà tăng trưởng kinh tế-xã hội, tốc độ đô thị hóa cũng tăng khá nhanh trong 10 năm qua, với tốc độ tăng 4 điểm phần trăm trong thập kỷ 1989-1999 lên 6 điểm phần trăm trong thập kỷ 1999-2009, tỷ lệ dân số thành thị hiện nay đã đạt 29,6% (tỷ lệ dân số thành thị của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1989 và 1999 tương ứng là 19,4% và 23,5%).

4. Với sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Đảng, Chính phủ và sự đồng thuận của cả hệ thống chính trị; với sự tích cực triển khai của các cấp các ngành, sự hỗ trợ của nhân dân, cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở đã thu được kết quả tốt đẹp. Với tinh thần đó và để thực hiện Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg ngày 10/7/2008 của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Thủ tướng, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ cho phép công bố kết quả sơ bộ của cuộc Tổng điều tra này với kế hoạch sau:

- a) Hình thức: Hội nghị trực tuyến.
- b) Thời gian hội nghị: Buổi sáng ngày 13 tháng 8 năm 2009.
- c) Chủ trì: Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ-Trưởng BCĐTW.

(Có Chương trình dự thảo của Hội nghị gửi kèm.)

- d) Thành phần:

*Cấp Trung ương:*

Ban chỉ đạo và Văn phòng BCĐTW và 03 Bộ điều tra theo kế hoạch riêng, đại diện của Văn phòng Chính phủ, đại diện của Bộ Xây dựng, đại diện của Tổng cục Dân số-KHHGD (Bộ Y-tế), đại diện của Bộ Lao động-TB&XH, giám sát viên cấp trung ương, đại diện một số đơn vị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đại diện lãnh đạo các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê, đại diện của các tổ chức quốc tế tại Hà Nội; các cơ quan thông tấn và báo chí tại Hà Nội.

*Cấp tỉnh:*

Các thành viên Ban chỉ đạo cấp tỉnh, lãnh đạo Văn phòng Ban chỉ đạo cấp tỉnh, Phó Ban chỉ đạo của các quận/huyện gần thành phố, lãnh đạo và trưởng/phó phòng của Cục Thống kê, báo và đài (phát thanh, truyền hình) tỉnh/thành phố.

đ) Nội dung công bố:

Hội nghị sẽ trình bày hai báo cáo:

- Báo cáo về công tác tổ chức, chỉ đạo và triển khai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009;
- Báo cáo về những kết quả sơ bộ của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, bao gồm các chỉ tiêu: tổng số dân chia theo nam, nữ, thành thị và nông thôn; phân bố dân số và tỷ lệ tăng dân số theo các vùng kinh tế-xã hội và các tỉnh, thành phố; tỷ số giới tính của dân số chia theo vùng kinh tế-xã hội và tỉnh, thành phố.

Kính báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ-Trưởng Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương và xin Thủ tướng, Phó Thủ tướng quan tâm chỉ đạo./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Bộ trưởng Bộ KH&ĐT (để báo cáo);
- Lưu VPBCĐTƯ.

**PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Đức Hòa**

**BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH HỘI NGHỊ CÔNG BỐ KẾT QUẢ SƠ BỘ**  
**TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2009**

Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng,  
 Trưởng Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương chủ trì

Ngày 13 tháng 8 năm 2009, Phòng họp lớn, tầng 2, nhà 3 tầng,

Trung tâm Hội nghị Quốc tế, số 11 Lê Hồng Phong, Hà Nội

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
8.00-8.30	Đón tiếp đại biểu	Ban tổ chức
8.30-8.45	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Đồng chí Đỗ Thức, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Ủy viên thường trực Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương
8.45-9.00	Phát biểu khai mạc và chỉ đạo hội nghị	Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng
9.00-9.45	Báo cáo về công tác tổ chức, chỉ đạo và triển khai cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	Đồng chí Nguyễn Đức Hòa Thứ trưởng kiêm Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê. Phó Trưởng Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương
9.45-10.15	Báo cáo về kết quả sơ bộ của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009	Đồng chí Đỗ Thức
10.15-10.30	Phát biểu của đại diện Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA)	Đại diện UNFPA
10.30-10.45	Nghỉ giải lao	
10.45-11.45	Thảo luận	<i>Điều hành:</i> Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng Đồng chí Nguyễn Đức Hòa
11.45-12.00	Tổng kết và bế mạc hội nghị	Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng